

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số: 04 /GP-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 03 tháng 02 năm 2021

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 13/2015/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 về việc ban hành Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; số 08/2018/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 về việc ban hành Quy định phân vùng nguồn tiếp nhận nước thải thuộc lưu vực sông Ba và sông Kỳ Lộ trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 22/3/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng công suất Nhà máy đường Đồng Xuân giai đoạn 1: 1.000 TNM, giai đoạn 2: 2.000 TNM và xây dựng Nhà máy vi sinh công suất 4.500 tấn/vụ;

Căn cứ Thông báo số 301/TB-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước dự án Nhà máy đường Đồng Xuân của Công ty TNHH Công nghiệp KCP Việt Nam đề ngày 16/7/2020 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (tại Báo cáo thẩm định số 22/BC-STNMT ngày 14/01/2021, kèm theo Biên bản kiểm tra thực tế ngày 26/8/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Công nghiệp KCP Việt Nam, địa chỉ: Đường 24/3, thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên được xả nước thải sau xử lý (trước khi thải vào nguồn tiếp nhận) đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Sông Kỳ Lộ.

2. Vị trí xả nước thải: Khu phố Long Hà, thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; trong đó:

- Vị trí xả thải sau hệ thống xử lý (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 108°30', múi chiều 3°): X = 1.478.327 (m); Y = 565.723 (m).

- Vị trí tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được xả ra suối cạn và đổ ra sông Kỳ Lộ tại khu phố Long Hà, thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 108°30', múi chiều 3°): X = 1.478.528 (m); Y = 565.806 (m).

3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 m³/ngđ (theo mùa vụ).

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 250 m³/ngđ, tương đương 10,42 m³/giờ.

6. Chất lượng nước thải: Đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A; hệ số K_q = 0,9, K_r = 1,1) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp; giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm chính có trong nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận như sau:

STT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A; hệ số K _q = 0,9, K _r = 1,1)
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	6-9
3	BOD ₅	MgO ₂ /L	29,7
4	COD	MgO ₂ /L	74,25
5	TSS	Mg/L	49,5
6	Amoni	Mg/L	4,95
7	Tổng Nitơ	Mg/L	19,8
8	Tổng Phospho	Mg/L	3,96
9	Dầu mỡ ĐTV	Mg/L	4,95
10	Sunfua	Mg/L	0,19
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000

7. Thời hạn của giấy phép là: 10 (mười) năm, kể từ ngày cấp phép.

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Công ty TNHH Công nghiệp KCP Việt Nam:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Thực hiện việc quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận:

a) Đối với nước thải:

- Quan trắc lưu lượng nước thải: Quan trắc bằng thiết bị đo lưu lượng với tần suất 01 lần/ngày.

- Quan trắc chất lượng nước thải: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thực hiện lấy mẫu, phân tích và đánh giá các thông số giám sát theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A; hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp; các thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phospho, Dầu mỡ động thực vật, Sunfua, Tổng Coliform.

- Vị trí giám sát: Đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

b) Đối với nguồn nước tiếp nhận:

- Quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thực hiện lấy mẫu, phân tích và đánh giá các thông số giám sát theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại vị trí tiếp nhận nước thải trên sông Kỳ Lộ.

- Các thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, BOD₅, COD, TSS, Coliform.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

3. Thu gom nước thải và vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ cấp phép; bảo đảm các thông số về chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

4. Bảo đảm hiệu quả, chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước; bảo vệ nguồn nước và môi trường xung quanh khu vực xả nước thải; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong khu vực xả nước thải; bảo vệ môi trường và hệ sinh thái thủy sinh.

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và thực hiện đúng cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

6. Hàng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đồng Xuân theo quy định tại Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều này.

7. Công ty TNHH Công nghiệp KCP Việt Nam có trách nhiệm lập thủ tục xác nhận hoàn thành công trình hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A; hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) để cấp có thẩm quyền xác nhận theo Thông báo số 301/TB-UBND ngày 29/8/2020 của UBND tỉnh; thời gian thực hiện hoàn thành trong tháng 02/2021.

Điều 3. Công ty TNHH Công nghiệp KCP Việt Nam được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Công nghiệp KCP Việt Nam còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./. *he*

Nơi nhận:

- Cục Quản lý TNN (đề biết);
- Các sở: TNMT, NNPTNT, XD, CT, TC; *Quỹ BVMT*;
- UBND huyện Đông Xuân;
- Cty TNHH CN KCP Việt Nam;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, Phg, QVi1.4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nh
Kha
Hà Thị Nguyên Thảo

Phú Yên, ngày 09 tháng 9 năm 2014

SỞ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 54.000148T
(Cấp lại lần 2)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

- Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH công nghiệp KCP Việt Nam.
- Địa chỉ: Thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Điện thoại : 057.3861613 - Fax: 057.3861616
- Giấy chứng nhận đầu tư số: 361023000014 chứng nhận lần đầu ngày 08/12/2009
- Nơi cấp: UBND tỉnh Phú Yên

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sở đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế 02 số đăng ký có mã số QLCTNH: 54.000116T cấp lại lần 1 ngày 13/02/2012, 54.000117T cấp lại lần 1 ngày 13/02/2012.

Nơi nhận:

- Như phần I;
- Lưu: VT, CCBVMT, NhưMT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Như Thức

**PHỤ LỤC**

theo Sở đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 54.000148T
do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày 08 tháng 9 năm 2014)

I. Cơ sở phát sinh CTNH:**1. Nhà máy đường KCP Sơn Hòa:****1.1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại (Phuy rỗng chứa dầu nhớt)	Rắn	2.125-2.210	18 01 02
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa (Can, phuy nhựa rỗng chứa hóa chất)	Rắn	4.116	18 01 03
3	Các loại dầu động cơ và bôi trơn thải khác (Dầu thải)	Lỏng	1.000	17 02 04
4	Giẻ lau thải có chứa thành phần nguy hại (dính dầu)	Rắn	200	18 02 01
5	Các loại chất thải khác có thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ (cao su nhiễm dầu)	Rắn	100	19 12 03
6	Bao bì mềm thải (bao bì P.P&P.E rỗng chứa hóa chất)	Rắn	1.582	18 01 01
7	Các loại dầu thải khác (dầu thải từ bể tách dầu của hệ thống xử lý nước thải)	Lỏng	500	17 05 04
8	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải (bóng đèn huỳnh quang)	Rắn	100	16 01 06
9	Pin, ắc quy thải (Pin, ắc quy chì thải)	Rắn	400	19 06 01
Tổng số lượng			10.123 - 10.208	

1.2. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Bã mía (độ ẩm 50%)	Rắn	289.000.000
2	Bã bùn (độ ẩm 70%)	Bùn	24.650.000
3	Tro (độ ẩm 80%)	Rắn	17.000.000
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	3.600
5	Rác thải sinh hoạt	Rắn	3.500
Tổng số lượng			330.657.100

2. Nhà máy đường Đồng Xuân:**2.1. Danh sách chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại (Phuy rỗng chứa dầu nhớt)	Rắn	425-442	18 01 02
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa (Can, phuy nhựa rỗng chứa hóa chất)	Rắn	823,2	18 01 03
3	Các loại dầu động cơ và bôi trơn thải khác (Dầu thải)	Lỏng	200	17 02 04
4	Giẻ lau thải có chứa thành phần nguy hại (chứa dầu)	Rắn	100	18 02 01
5	Các loại chất thải khác có thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ (cao su nhiễm dầu)	Rắn	20	19 12 03
6	Bao bì mềm thải (bao bì P.P&P.E rỗng chứa hóa chất)	Rắn	136,4	18 01 01
7	Các loại dầu thải khác (dầu thải từ bể tách dầu của hệ thống xử lý nước thải)	Lỏng	36	17 05 04

8	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải (bóng đèn huỳnh quang)	Rắn	30	16 01 06
9	Pin, ắc quy thải (Pin, ắc quy chì thải)	Rắn	100	19 06 01
Tổng số lượng			1.870,6 – 1.887,6	

2.2 Danh sách chất thải thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Bã mía (độ ẩm 50%)	Rắn	49.000.000
2	Bã bùn (độ ẩm 70%)	Bùn	5.500.000
3	Tro (độ ẩm 80%)	Rắn	2.550.000
4	Bùn khu xử lý nước thải	Bùn	720
5	Rác thải sinh hoạt	Rắn	1.500
Tổng số lượng			57.052.220

3. Hồ sơ kèm theo sổ đăng ký:

- 01 Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH (cấp lại lần 2);
- 01 Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư số 361 023 000 014 ngày 08/12/2009;
- 01 Bản sao quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án nâng công suất nhà máy đường Sơn Hòa lên 5000 tấn mía/ngày;
- 01 Bản sao quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án nâng công suất nhà máy đường Đồng Xuân lên 1000 tấn mía/ ngày;
- 01 Giấy xác nhận việc thực hiện báo cáo ĐTM;
- Phiếu kết quả thử nghiệm bùn thải từ khu xử lý;
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH số 54.000116T ngày 13/02/2012;
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH số 54.000117T ngày 13/02/2012;
- Bản giải trình các điểm sửa đổi, bổ sung.

UBND TỈNH PHÚ YÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 662 /GXN-STNMT

Phú Yên, ngày 10 tháng 5 năm 2012

GIẤY XÁC NHẬN

**VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH**

**Phân kỳ Nâng công suất nhà máy đường Đồng Xuân lên
1000 tấn mía/ngày của Dự án “Nâng công suất Nhà máy
đường Đồng Xuân và xây dựng Nhà máy phân vi sinh”
của Công ty TNHH Công nghiệp KCP Việt Nam**

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2008 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 27/6/2011 của UBND tỉnh Phú Yên về việc Ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát và xác nhận việc thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và đánh giá tác động môi trường bổ sung;

Căn cứ Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 22/3/2010 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất Nhà máy đường Đồng Xuân và xây dựng Nhà máy phân vi sinh”;

Căn cứ kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành phân kỳ Nâng công suất nhà máy đường Đồng Xuân lên 1000 tấn mía/ngày của dự án “Nâng công suất Nhà máy đường

THĐ
17/11/12

Đồng Xuân và xây dựng Nhà máy phân vi sinh" thực hiện vào ngày 21 tháng 02 năm 2012;

Theo đề nghị của Phó Chi cục trưởng phụ trách Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số: 13 /TTr-CCBVMT ngày 03 tháng 5 năm 2012,

XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH Công nghiệp KCP Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của phân kỳ Nâng công suất nhà máy đường Đồng Xuân lên 1000 tấn mía/ngày của dự án "Nâng công suất Nhà máy đường Đồng Xuân và xây dựng Nhà máy phân vi sinh" sau đây:

1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt: được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý.

- Nước thải sản xuất: nước thải từ quá trình sản xuất được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải theo phương pháp sinh học có công suất 300 m³/ngày đêm, được vận hành theo quy trình công nghệ sau:

Nước thải đầu vào → Máy tách rác → Bể tách dầu → Bể điều hoà
→ Bể UASB → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể lọc
áp lực → Nước thải đầu ra

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nước thải công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT (cột B), được thải ra kênh thoát nước chung vào sông Kỳ Lộ.

- Thu gom và thoát nước mưa: xây dựng hệ thống rãnh thu gom và thoát nước mưa xung quanh khu vực dự án và thoát nước ra sông Kỳ Lộ.

- Nước giải nhiệt: được thu gom và thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước chung của dự án ra sông Kỳ Lộ.

- So với Báo cáo ĐTM đã được UBND Tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 22/3/2010, các công trình, biện pháp xử lý nước thải của dự án có các thay đổi như sau:

* Hệ thống xử lý nước thải:

+ Công suất của hệ thống xử lý nước thải là 300 m³/ngày đêm so với số liệu tính toán trong báo cáo ĐTM là 250 m³/ngày đêm (tính cho Giai đoạn 1).

+ Xây dựng thêm Bể tách dầu (trước Bể điều hoà).

+ Xây dựng thêm Bể lọc áp lực (sau Bể khử trùng).

+ Không xây dựng Bể giải nhiệt (sau Bể UASB).

2. Công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

Khí thải phát sinh từ lò hơi đốt bằng nhiên liệu bã mía, lượng khí thải này được thu gom và xử lý bằng phương pháp lọc bụi hoá ẩm. Hệ thống xử lý khí thải đúng theo công nghệ đề xuất trong báo cáo ĐTM của Dự án.

3. Công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn thông thường.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Công ty hợp đồng với Đội Quản lý đô thị huyện Đồng Xuân thu gom và vận chuyển đến bãi rác tập trung của huyện để xử lý.

- Chất thải rắn từ các hoạt động sản xuất:

+ Bã mía: toàn bộ lượng bã mía được sử dụng làm nhiên liệu đốt của lò hơi.

+ Tro từ lò hơi: được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua để làm phân bón.

- So với Báo cáo ĐTM đã được UBND Tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 22/3/2010, biện pháp xử lý bùn thải và tro từ lò hơi được thay đổi bằng biện pháp thu gom và bán cho các đơn vị thu mua để làm phân bón.

4. Công trình, biện pháp xử lý chất thải nguy hại.

Dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại của Dự án có diện tích khoảng 49 m², định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý đúng theo quy định.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây trong giai đoạn tiếp theo của Dự án:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện các hạng mục/phân kỳ đầu tư tiếp theo của Dự án, đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường có liên quan và lập hồ sơ, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để được tiếp tục kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án.

2. Tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đã nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này, đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của pháp luật hiện hành.

3. Vận hành các công trình xử lý chất thải đã được nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này theo đúng thiết kế, đảm bảo các quy trình, quy phạm kỹ thuật.

4. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường có liên quan của pháp luật hiện hành.

5. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành của Dự án và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Công nghiệp KCP VN;
- UBND Tỉnh (b/c);
- UBND huyện Đồng Xuân;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CCBVMT, Ca.

GIÁM ĐỐC



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ

CHẾ BÁ HÙNG